

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 226/2024/HS - ST
Ngày 19 - 12 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Hoàng Thị Phụng
- Bà Nguyễn Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Quyên, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 223/2024/HSST ngày 19 tháng 11 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 232/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo: **Phan Văn T**, sinh ngày: 26/01/1998 tại Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn L, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Con ông Phan Văn S và bà Trần Thị H, có vợ Phạm Thu H1, có 01 con; tiền sự: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 31/QĐ-XPHC ngày 02/02/2024 của Công an thành phố T xử phạt 6.500.000 đồng về hành vi: “Cố ý gây thương tích” nhưng chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự, đã nộp xong tiền phạt ngày 05/02/2024; tiền án: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/9/2024 đến nay. Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Tống Như Q, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Thôn L, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt);
- Anh Trần Văn N, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Thôn L, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do cần tiền để chi tiêu cá nhân nên Phan Văn T đã nảy sinh ý định cho người khác vay tiền với lãi suất cao. Người vay trả tiền lãi cho T bằng cách giao tiền trực tiếp cho T hoặc chuyển khoản đến số tài khoản “2000168682000” của chị Phạm Thu H1, sinh năm 2000, trú tại thôn L, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình (là vợ của T) mở tại Ngân hàng M. Hàng tháng, khi gần đến ngày trả tiền lãi thì T sử dụng số điện thoại “0976625823” của nhà mạng V gọi điện nhắc người vay tiền trả lãi đúng hạn. Trong khoảng thời gian từ ngày 06/10/2023 đến ngày 08/9/2024, Phan Văn T đã cho ông Tống Như Q, sinh năm 1975, trú tại thôn L, xã V, thành phố T và anh Trần Văn N, sinh năm 1988, trú tại thôn L, xã V, thành phố T vay tiền với lãi suất cao, cụ thể như sau:

- Ngày 06/10/2023, do cần tiền mua máy cày để sản xuất nông nghiệp nên ông Tống Như Q hỏi vay của T số tiền 50.000.000 đồng, T đồng ý cho ông Q vay tiền với lãi xuất 5000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/năm), thời hạn vay 02 tháng. Hai bên thỏa thuận trả lãi theo tháng, quy định một tháng là 30 ngày, ngày mùng 06 hàng tháng (dương lịch) là ngày trả tiền lãi, tiền lãi một tháng là 7.500.000 đồng. T giao 50.000.000 đồng trực tiếp cho ông Q tại nhà Trường. Khi vay tiền ông Q viết giấy vay nợ và giao cho T 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất làm tài sản đảm bảo cho khoản vay. Ngày 06/11/2023 đến thời hạn trả tiền lãi cho T nhưng ông Q chưa có tiền nên xin T cho nợ lại, T đồng ý. Ngày 06/12/2023 hết thời hạn vay tiền nhưng ông Q chưa có tiền trả tiền gốc và tiền lãi trong 02 tháng đã vay của T, tổng số tiền nợ là 65.000.000 đồng, ông Q xin T cho nợ đến khoảng giữa tháng 12/2023 sẽ trả T, T đồng ý. Ngày 13/12/2023, ông Q trả cho T số tiền 65.000.000 đồng, gồm: 50.000.000 đồng tiền nợ gốc và 15.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay 50.000.000 đồng trên. T nhận tiền và trả lại cho ông Q giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy vay nợ, ông Q đã làm mất giấy vay trên. Cách thức tính tiền lãi thu lợi bất chính như sau: $A = B - (20\% \times C \times D) / 365$. Trong đó A là tiền lãi thu lợi bất chính, B là tiền lãi thu được của khoản vay, C là số ngày vay tiền, D là số tiền vay, 20% là phần trăm vay tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự trên 1 năm, 365 là số ngày của 1 năm. Theo cách tính trên từ ngày 06/10/2023 đến ngày 06/12/2023, số tiền lãi T đã thu được từ khoản tiền 50.000.000 đồng cho ông Q vay là 15.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 13.356.164 đồng.

- Ngày 05/6/2024, do cần tiền chi tiêu cá nhân nên ông Q tiếp tục hỏi vay T số tiền 20.000.000 đồng, T đồng ý cho ông Q vay tiền với lãi xuất 5000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/năm), không quy định thời hạn vay. Hai bên thỏa thuận trả lãi theo tháng, quy định một tháng là 30 ngày, ngày mùng 05 hàng tháng (dương lịch) là ngày trả tiền lãi, tiền lãi một tháng là 3.000.000 đồng. T giao trực tiếp 20.000.000 đồng cho ông Q tại nhà Trường, do

tin tưởng nên T không yêu cầu không ông Q phải viết giấy vay nợ hay đặt tài sản để đảm bảo. Từ ngày 05/6/2024 đến ngày 05/8/2024, ông Q đã trả trực tiếp cho T 6.000.000 đồng tiền lãi. Đến ngày 05/9/2024, ông Q chưa có tiền trả lãi cho T và muốn vay thêm T số tiền 10.000.000 đồng, T đồng ý cho ông Q vay tiền với lãi xuất 5000đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/năm), T trừ 3.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay 20.000.000 đồng đến ngày 05/9/2024 vào khoản tiền 10.000.000 đồng cho ông Q vay thêm. Ngày 06/9/2024, T nhờ vợ là chị Phạm Thu H1 chuyển khoản hộ T số tiền 6.400.000 đồng cho ông Q, chị H1 đồng ý và sử dụng số tài khoản “2000168682000” của chị H1 mở tại ngân hàng M chuyển khoản số tiền 6.400.000 đồng đến số tài khoản “3401205077403” của ông Q mở tại ngân hàng A. T không cho chị H1 biết đây là tiền T cho ông Q vay lãi. Đến ngày 08/9/2024, T giao trực tiếp cho ông Q số tiền 600.000 đồng tiền gốc còn thiếu của khoản vay 10.000.000 đồng. T và ông Q thống nhất gộp khoản vay 20.000.000 đồng ngày 05/6/2024 và khoản vay 10.000.000 đồng ngày 06/9/2024 thành khoản vay 30.000.000 đồng với lãi xuất 5000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, trả lãi vào ngày mùng 06 hàng tháng (dương lịch). T chưa thu được tiền lãi của khoản vay này, ông Q chưa trả tiền gốc cho T. Từ ngày 05/6/2024 đến ngày 05/9/2024, số tiền lãi T đã thu được từ khoản tiền 20.000.000 đồng cho ông Q vay là 9.000.000 đồng, thu lời bất chính số tiền là 8.013.698 đồng. Tổng số tiền T cho ông Q vay là 80.000.000 đồng, số tiền lãi T thu được là 24.000.000 đồng, thu lời bất chính số tiền là 21.369.862 đồng.

Ngày 29/3/2024, do cần tiền chi tiêu cá nhân nên anh Trần Văn N hỏi vay của T số tiền 30.000.000 đồng, T đồng ý cho anh N vay tiền với lãi xuất 5000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/năm), không quy định thời hạn vay. Hai bên thỏa thuận trả lãi theo tháng, quy định một tháng là 30 ngày, ngày 29 hàng tháng (dương lịch) là ngày trả tiền lãi, tiền lãi một tháng là 4.500.000 đồng. T giao trực tiếp 30.000.000 đồng cho anh N tại nhà Trường, do quen biết với anh N nên T không yêu cầu anh N phải viết giấy vay nợ hay đặt tài sản để đảm bảo. Từ ngày 29/3/2024 đến ngày 29/5/2024, do anh N không có tiền mặt để trả lãi nên T đưa cho anh N số tài khoản “2000168682000” của chị H1 mở tại Ngân hàng M để chuyển khoản trả tiền lãi cho T, anh N đã trả cho T 9.000.000 đồng tiền lãi bằng hình thức sử dụng số tài khoản “0962556161” của anh N mở tại Ngân hàng M1 chuyển tiền đến số tài khoản “2000168682000” của chị H1 mở tại Ngân hàng M. T nói với chị H1 đây là tiền làm ăn anh N trả cho T, không cho chị H1 biết việc T cho anh N vay lãi nặng, chị H1 đã đưa lại cho T số tiền 9.000.000 đồng. Từ ngày 29/5/2024 đến ngày 29/7/2024 anh N đã trả cho T 9.000.000 đồng tiền lãi bằng hình thức giao tiền trực tiếp cho T. Từ ngày 29/7/2024 đến nay, do chưa có tiền trả lãi nên anh N xin T cho nợ, anh N chưa trả tiền gốc đã vay của T. Từ ngày 29/3/2024 đến ngày 29/7/2024, số tiền lãi T đã thu được từ khoản tiền 30.000.000 đồng cho

anh N vay là 18.000.000 đồng, thu lời bất chính số tiền là 16.027.397 đồng. Ngoài ra theo thỏa thuận thì khoản vay 30.000.000 đồng anh N vay T ngày 29/3/2024 vẫn phải trả lãi đến ngày bị phát hiện 12/9/2024. Tuy nhiên anh N chưa có tiền trả tiền lãi. Vì vậy, T vẫn phải chịu trách nhiệm đối với khoản lãi từ ngày 30/7/2024 đến ngày bị phát hiện 12/9/2024 là 4.500.000 đồng, trong đó số tiền thu lời bất chính là 4.006.850 đồng.

Bản Cáo trạng số 230/CT - VKSTP ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Phan Văn T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi như cáo trạng đã mô tả. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phan Văn T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 50 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Văn T 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung. Ngoài ra còn đề nghị về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp và nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố, không tranh luận với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Trong quá trình điều tra và truy tố cũng như tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa cũng như tại Cơ quan điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng đã mô tả. Lời khai của bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa phù hợp với Đơn tố giác tội phạm của công dân khuyết danh đề ngày 10/9/2024; biên bản về việc mở hòm thư tố giác tội phạm hồi 10 giờ 00 phút ngày 12/9/2024 tại Công an thành phố T, tỉnh Thái Bình; biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử + biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ ngày 14/9/2024 tại Công an thành phố T; bản tự khai; lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Văn N, ông Tống Như Q, chị Phạm Thu H1; bản sao kê tài khoản ngân hàng của Phan Văn T; bản sao kê tài khoản ngân hàng của chị Phạm Thu H1; bản sao kê tài khoản ngân hàng của ông Tống Như Q và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2023 đến tháng 9/2024, Phan Văn T đã sử dụng số tiền 110.000.000 đồng cho anh Trần Văn N và ông Tống Như Q vay cùng với lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/01 ngày, tương đương với lãi suất 182,5%/ năm (gấp 09 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự) để lấy tổng số tiền lãi là 46.500.000 đồng, số tiền T thu lời bất chính là 41.404.109 đồng (đến nay T mới thu được số tiền lãi là 42.000.000 đồng và thu lời bất chính 37.397.259 đồng; còn khoản tiền lãi 4.500.000 đồng chưa thu được do anh N chưa có tiền trả). T đã thu được 50.000.000 đồng tiền nợ gốc.

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ làm ảnh hưởng đến thị trường tín dụng, ảnh hưởng đến quyền lợi của công dân. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi do mình thực hiện, nhưng vì hám lời nên vẫn cố ý thực hiện hành vi cho anh Trần Văn N và ông Tống Như Q vay số tiền 110.000.000 đồng và thu lời bất chính 37.397.259 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự quy định: 1. *“Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 5 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm...3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.*

[4]. Do số tiền thu lợi bất chính của bị cáo T dưới 100.000.000 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố bị cáo về tội: “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

[5]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân bị cáo: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả trả lại số tiền thu lợi bất chính cho người liên quan; nộp một phần số tiền dùng vào việc phạm tội tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6]. Về quyết định hình phạt:

[6.1]. Hình phạt chính: Xem xét đến tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội cũng như tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo khi quyết định hình phạt thấy: Bị cáo Phan Văn T có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, có nơi cư trú rõ ràng, có thu thập để đảm bảo cho việc thi hành án nên áp dụng Điều 35 Bộ luật Hình sự phạt tiền đối với bị cáo Phan Văn T là phù hợp với tính chất mức độ và hành vi phạm tội do bị cáo gây ra và phù hợp với quy định của pháp luật.

[6.2]. Hình phạt bổ sung: Do đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[7]. Về biện pháp tư pháp:

[7.1]. Bị cáo Phan Văn T tự nguyện trả lại số tiền thu lợi bất chính 16.027.397 đồng cho anh Trần Văn N và số tiền thu lợi bất chính 21.369.862 đồng cho ông Tống Như Q, anh N và ông Q đã nhận đủ tiền và không có ý kiến gì nên ghi nhận sự tự nguyện này .

[7.2]. Truy thu của anh Trần Văn N, ông Tống Như Q mỗi người là 30.000.000 đồng là khoản tiền gốc mà anh N, ông Q chưa trả cho bị cáo Phan Văn T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7.3]. Truy thu của bị cáo Phan Văn T số tiền 50.000.000 đồng là khoản tiền gốc mà ông Tống Như Q đã trả bị cáo Phan Văn T và truy thu của bị cáo T 20% lãi suất theo quy định của pháp luật là: 4.602.741 đồng. Tổng số truy thu của bị cáo Phan Văn T là 54.602.741 đồng, đối trừ số tiền bị cáo Phan Văn T đã nộp 15.000.000 đồng tại Biên lai số 0000755 ngày 11 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình. Buộc bị cáo Phan Văn T phải nộp tiếp 39.602.741 đồng sung quỹ Nhà nước là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8]. Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax màu xanh, số máy MLL93VN/A, số seri DK21M2HQ91, điện thoại được lắp sim số 0976625823 của nhà mạng V1 đã qua sử dụng là phương tiện bị cáo T dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu.

[9]. Các vấn đề khác của vụ án: Đối với chị Phạm Thu H1 (vợ bị cáo T): Quá trình điều tra xác định chị H1 không biết số tiền 9.000.000 đồng mà anh Trần Văn N đã chuyển khoản vào số tài khoản “2000168682000” của chị mở tại Ngân hàng M và số tiền 6.400.000 đồng T nhờ chị H1 chuyển khoản vào số tài khoản “3401205077403” của ông Tống Như Q mở tại Ngân hàng A là tiền liên quan đến việc T cho vay lãi nặng. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T không xử lý đối với chị Phạm Thu H1 là phù hợp.

[10]. Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[11]. Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50, Điều 35 Bộ luật Hình sự. Điều 106; Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016/UBTVQH14.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phan Văn T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phan Văn T 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

3. Về biện pháp tư pháp:

3.1. Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Phan Văn T trả lại số tiền thu lợi bất chính 16.027.397 đồng cho anh Trần Văn N và số tiền thu lợi bất chính 21.369.862 đồng cho ông Tống Như Q (Hai bên đã giao nhận xong số tiền trên).

3.2. Truy thu của anh Trần Văn N, ông Tống Như Q mỗi người là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) là khoản tiền gốc mà anh N, ông Q chưa trả cho bị cáo Phan Văn T nộp ngân sách Nhà nước.

3.3. Truy thu của bị cáo Phan Văn T số tiền 50.000.000 đồng là khoản tiền gốc mà ông Tống Như Q đã trả bị cáo Phan Văn T và truy thu của bị cáo Phan Văn T 20% lãi suất theo quy định của pháp luật là: 4.602.741 đồng. Tổng số tiền truy thu của bị cáo Phan Văn T là 54.602.741 đồng, đối trừ số tiền bị cáo Phan Văn T đã nộp 15.000.000 đồng theo Biên lai số 0000755 ngày 11 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình. Buộc bị cáo Phan Văn T phải nộp tiếp số tiền 39.602.741 đồng (ba mươi chín triệu sáu trăm linh hai nghìn bốn trăm bảy mươi mốt đồng) vào ngân sách Nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax màu xanh, số máy MLL93VN/A, số seri DK21M2HQ91, điện thoại được lắp sim số 0976625823 của nhà mạng Viettel đã qua sử dụng của bị cáo Phan Văn T.

(Toàn bộ số vật chứng trên Cơ quan điều tra Công an thành phố T đã chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình có đặc điểm mô tả như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/11/2024).

5. Án phí: Bị cáo Phan Văn T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Phan Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 19/12/2024. Ông Tống Như Q, anh Trần Văn N vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh TB;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND TP. Thái Bình;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. Thái Bình;
- Cơ quan THAHS Công an TP. Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình;
- Bị cáo
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh

\